TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2021
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Lợi

2. Ông Trần Đình Huận

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Đức H; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/9/2020, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Ngô Đức H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã

đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm hạnh phúc tại nhà bố mẹ chị tại xã Q. Đến cuối năm 2019 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, anh H thường xuyên ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau dẫn đến sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau. Hiện tại chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy kiên quyết xin ly hôn với anh H để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Theo chị H thì giữa vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Lê Yến N, sinh ngày 12/8/2019. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại phiên tòa, chị H thống nhất yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng, cho đến khi con thành niên.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải, đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt anh Ngô Đức H trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì giữa anh và chị Lê Thị H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đầm ấm hạnh phúc tại nhà bố mẹ vợ. Đến ngày 25/11/2019, khi bố anh mất thì anh chuyển về sống cùng mẹ tại xã Quảng Phương còn mẹ con chị H vẫn sống tại xã Q và anh thường xuyên quan lại chăm sóc vợ con. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, có lúc cãi nhau, bất đồng quan điểm nhưng chưa đến mức trầm trọng. Anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với vợ con và vì thương con, gia đình nên tôi không muốn ly hôn. Tuy nhiên, nếu chị H cương quyết phải ly hôn, không muốn quay lại thì anh cũng chấp nhận ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Lê Yến N, sinh ngày 12/8/2019. Anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng nếu ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng, vì công việc bảo vệ thu nhập của anh không được cao. Anh được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, đưa đón con mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Ngô Đức H có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Ngô Đức H; Về quan hệ con chung: giao con chung Ngô Lê Yến N, sinh ngày 12/8/2019 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngô Đức H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 5/2021 trở đi, cho đến khi con thành niên; Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét; Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và buộc anh Ngô Đức H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Ngô Đức H và quyền yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Ngô Đức H có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Ngô Đức H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Ngô Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/3/2014, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Cuộc sống chung hạnh phúc của vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau; hai bên không tìm được hướng đi chung, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn. Chị H xác định thật sự không còn tình cảm gì với anh H, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng anh H được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn.

Đối với anh H, mặc dù giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm bị rạn nứt, căng thẳng nhưng theo anh là chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn và vì thương con, vì gia đình nên anh không muốn ly hôn mà mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, anh H cũng không có phương án, biện pháp khắc phục mâu thuẫn và yêu cầu, đề nghị của anh H cũng không được chị H đồng ý. Theo anh H, nếu chị H cương quyết ly hôn, không muốn quay về thì anh cũng đồng ý, chấp nhận ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu, đề nghị của chị H.

Tình cảm vợ chồng là phải xuất phát từ hai phía để cùng nhau nuôi dạy con cái, vun đắp tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc tuy nhiên giữa chị H và anh H đã không thực hiện được. Chị H một mực xin được ly hôn và anh H cũng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nếu mong muốn của anh là để vợ chồng quay lại không có kết quả.

Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Lê Thị H cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Ngô Đức H.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị Lê Thị H và anh Ngô Đức H có một con chung Ngô Lê Yến N, sinh ngày 12/8/2019. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H có nguyện vọng mong muốn được nuôi dưỡng con chung và anh H cũng thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng nếu ly hôn. Tại phiên tòa, sau khi được Hội đồng xét xử phân tích, giải thích pháp luật và để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cháu Nhi, cũng như theo nguyện vọng của anh H là mong

muốn được cấp dưỡng nuôi con nên chị H thống nhất mức cấp dưỡng cho con của anh H, cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng. Xét điều kiện, nguyện vọng mong muốn được nuôi con của chị H và yêu cầu, đề nghị của chị H, anh H về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng như vậy là phù hợp. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 5/2021 trở đi, cho đến khi con thành niên.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Ngô Đức H thống nhất thừa nhận, vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh Ngô Đức H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Ngô Đức H.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung Ngô Lê Yến N, sinh ngày 12/8/2019 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Ngô Đức H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 5/2021 trở đi, cho đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị H phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0007430, ngày 02/10/2020. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4.2: Buộc anh Ngô Đức H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào ngân sách nhà nước.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực